

Bản án số: 18/2022/HS-PT

Ngày 13-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: Ông Lâm Anh Luyện, Bà Phạm Thị Thanh Loan

Thư ký phiên toà: Bà Triệu Hương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Nguyên- Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 16/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2022 do có kháng cáo của tất cả các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Hồ Súa H1** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 22/7/1991, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073430181, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 07/6/2018; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Nhìa G (sinh năm 1952, đã chết) và bà: Ly Thị D (sinh năm 1952); Có vợ là: Mua Thị M (sinh năm 1992) và 03 con: con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

2. Họ và tên: **Hồ Vả S** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 18/03/1985, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073542515, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 10/8/2016; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Xì L (sinh năm 1968) và bà Ly Thị S (sinh năm 1962); có vợ là: Ly Thị M (sinh năm 1985) và 03 con: con lớn

nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

3. Họ và tên: **Mua Mí P** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 20/5/1998 tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002098009357, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm nương; chức vụ: Công an viên thôn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn T, xã S, huyện Đ. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 29-QĐ/UBND THU ngày 04/10/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; con ông: Mua Xì C (sinh năm 1959) và bà: Lầu Thị X (sinh năm 1961); vợ là: Hồ Thị S (sinh năm 1999) và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 17/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

4. Họ và tên: **Hồ Chúng C** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 24/6/1986, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073360513, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/10/2010; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Nhì G (sinh năm 1952, đã chết) và bà Ly Thị D (sinh năm 1952); vợ là: Thò Thị K (sinh năm 1985) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 18/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

5. Họ và tên: **Ly Mí K** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 27/8/1993, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002093006285, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ly Sía C (sinh năm 1947) và bà Hồ Thị P (sinh năm 1952); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 24/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

6. Họ và tên: **Hồ Mí T** (tên gọi khác: Hồ Dũng T) - Sinh năm 1989, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002089007785, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Sính L (sinh năm 1965) và bà Ly Thị D (sinh năm 1967, đã chết); có vợ là: Ly Thị M (sinh năm 1986) và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 20/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

7. Họ và tên: **Hồ Chứ L** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 19/5/1994, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073503060, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 08/12/2015; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Nhìa G (sinh năm 1958, đã chết) và bà Ly Thị D (sinh năm 1958); có vợ là: Ly Thị K (sinh năm 1993) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 19/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

8. Họ và tên: **Hồ Mí P** (tên gọi khác: không) - Sinh ngày 19/9/2000, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002200004843, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Xi Ch (sinh năm 1962) và bà Ly Thị M (sinh năm 1960); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 22/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

9. Họ và tên: **Hồ Sính L1** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 10/06/1965, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002065004444, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Dũng L (sinh năm 1933- đã chết) và bà Sùng Thị D (sinh năm 1931- đã chết); vợ là: Ly Thị D (sinh năm 1967- đã chết) và có 07 con: con lớn nhất sinh năm 1986, con

nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 23/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

10. Họ và tên: **Hầu Mí S** (tên gọi khác: Hầu Mí S) - Sinh ngày 29/11/1991, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002091008143, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an Cấp ngày 25/6/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Hầu Chú V (sinh năm 1974- đã chết) và bà Ly Thị Th (sinh năm 1975); có vợ là: Ly Thị S (sinh năm 1995) và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 21/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

11. Họ và tên: **Hờ Mí H2** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 20/10/2003, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002203013515, do Cục Cảnh sát QLHC&TTXH - Bộ Công an cấp ngày 09/8/2021; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hờ Chú V (sinh năm 1974, đã chết) và bà Ly Thị Th (sinh năm 1975); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 25/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

12. Họ và tên: **Ly Mí L2** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 7/3/1987, tại xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073198455, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 25/6/2009; nghề nghiệp: Làm nương; Chức vụ: Bí thư Chi bộ thôn T; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ thôn T, xã S, huyện Đ. Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 28-QĐ/UBKTHU ngày 04/10/2021 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Đ; con ông Ly Sía C (sinh năm 1947) và bà Hờ Thị Ph (sinh năm 1952); vợ là: Giàng Thị M (sinh năm 1993) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 26/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

13. Họ và tên: **Trần Ngọc Đ** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 03/9/1990; nơi sinh: xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang; Nơi đăng ký tạm trú: Thôn S, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; số CMND: 073206870, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 14/10/2011; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (sinh năm 1952) và bà Hoàng Thị S (sinh năm 1958); có vợ là: Lù Thị L (sinh năm 1993) và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 27/2021/HSST-QĐ ngày 04/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- Người tham gia tố tụng khác:

Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Hạ Mí Ch; Địa chỉ: Tổ 9, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 26/10/2020, vợ của Hờ Súa H1 là Mua Thị M bỏ nhà đi, khoảng 10 ngày sau, H1 lên nhà mẹ vợ (bà Lầu Thị M) ở xã H, huyện Đ để đón M về. Đến ngày 16/11/2020, M lại tiếp tục bỏ đi. Ngày 19/11/2020, bà Lầu Thị M gọi điện báo cho H1 biết khoảng 18 giờ tối cùng ngày, Mua Thị M cùng với Vàng Sáu S mang thuốc nam sang cho bà, nếu H1 muốn gặp thì đến nhà bà để nói chuyện với M, S. Nhận được tin báo, H nhờ anh trai ruột là Hờ Chúng C, em trai ruột là Hờ Chứ L1; anh trai họ là Hờ Sính L2; cùng với những người cùng thôn khác gồm: Hờ Mí H2, Hờ Mí P; Hờ Mí T (tên gọi khác: Hờ Dững T), Hờ Vả S (trưởng thôn); Mua Mí P (công an viên thôn), Hàu Mí S và Ly Mí K (do Hờ Vả S nhờ đi cùng), để cùng H1 đi lên nhà bà M với mục đích bắt M, S đưa về thôn T, xã S để làm rõ việc S đưa M đi làm gì. Khoảng 21 giờ 03 phút cùng ngày, H cùng đồng phạm bắt, trói M và S đưa về đến hội trường thôn T, xã S. Quá trình bị giữ tại hội trường thôn, có Trần Xuân Đ và Trần Ngọc Đ biết việc đã chửi mắng M và đánh S, khi S đưa điện thoại cho H thì Đ đã giật lấy và đập vỡ điện thoại của S. Đến ngày 20/11/2021, Ly Mí L (Bí thư chi bộ thôn), Hờ Vả S và Mua Mí P có mặt tại hội trường thôn để giải quyết việc của Hờ Súa H1, Mua Thị M và Vàng Sáu S. H1, S, L yêu cầu S phải trả cho H1 50.000.000 đồng để H1 nuôi con. Do không có tiền nên S bắt S phải gọi điện cho người nhà xuống làm việc thì mới cho về. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an xã đến yêu cầu M, S, H về Ủy ban nhân

dân xã S làm việc. Sau khi tiếp nhận tố giác, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết, ngày 23/11/2020 Công an xã S đã chuyển toàn bộ hồ sơ tố giác, cùng các tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 26/11/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 76/QĐTCGD trưng cầu Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Giang giám định tỷ lệ thương tật đối với Vàng Sáu S. Tuy nhiên, bị hại S có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tích và đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các đối tượng có hành vi đánh, tát S trong vụ việc trên.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 20/KL-HĐĐG ngày 16/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO A5, màu đen, màn hình cảm ứng bị vỡ bung ra khỏi vị trí ban đầu, toàn bộ khung máy bị cong vênh, biến dạng, xung quanh máy có nhiều vết xước nham nhở (máy đã qua sử dụng) trong vụ việc xảy ra ngày 19/11/2020 tại thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang có giá trị là 2.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang quyết định:

“1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P phạm các tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản"; các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Sính L1, Hồ Mí H2, Hầu Mí S, Hồ Mí T, Hồ Chứ L2, Hồ Mí P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; bị cáo Ly Mí L phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"; bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội "Hủy hoại tài sản".

2. Hình phạt:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Súa H1 30 (ba mươi) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Súa H1 15 (mười lăm) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt đối với cả hai tội là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 19/4/2021).

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Vả S 20 (hai mươi) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Vả S 12 (mười hai) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt đối với cả hai tội là 32 (ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị

bắt (ngày 19/4/2021).

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mua Mí P 18 (mười tám) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mua Mí P 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt đối với cả hai tội là 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P mỗi bị cáo 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Hồ Sính L2, Hầu Mí S mỗi bị cáo 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Mí H2 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ly Mí L 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2022, 27/01/2022, toàn bộ bị cáo trong vụ án có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, cụ thể: Hồ Súa H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo; Hồ Vả S kháng cáo cho rằng bị cáo không phạm tội; các bị cáo Mua Mí P, Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Trần Ngọc Đ, Ly Mí L xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Hồ Súa H1, Mua Mí P, Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí Sh, Hồ Mí H2 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Trần Ngọc Đg, Ly Mí L bổ sung Đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; Hồ Vả S sau khi tranh luận đã thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án và nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Sính L1, Hồ Mí H, Hầu Mí S, Hồ Mí T, Hồ Chứ L2, Hồ Mí P về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; bị cáo Ly Mí L về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Ngọc Đ về tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo của các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P do bị cáo H giữ vai trò khởi xướng, các bị cáo cùng một lúc phạm hai tội;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận kháng cáo về việc xin được hưởng án treo đối với Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H2, Ly Mí L, Trần Ngọc Đ, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức với vai trò không đáng kể; bị cáo Đ phạm tội độc lập nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản bị hủy hoại có giá trị không lớn, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả. Đề nghị sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo có nội dung và hình thức phù hợp và trong thời hạn theo quy định tại Điều 331, 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Nội dung vụ án thể hiện khoảng 20 giờ 00 phút ngày 19/11/2020, các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P, Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Sính L1, Hồ Mí H2, Hầu Mí S, Hồ Mí T, Hồ Chứ L2, Hồ Mí P đã thực hiện hành vi bắt, giữ chị Mua Thị M và anh Vàng Sáu S tại nhà bà Lầu Thị M (thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Giang), trói tay hai người đưa về hội trường thôn T, xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. Từ 11 giờ 00 ngày 20/11/2020 đến 13 giờ 30 phút cùng ngày, Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Ly Mí L1, Mua Mí P đã có hành vi buộc Vàng Sáu S phải trả tiền cho Hồ Súa H1. Nhưng do chưa thống nhất được số tiền S phải trả H1 đã bị lực lượng chức năng phát hiện nên các bị cáo chưa chiếm đoạt được tiền của người bị hại. Trần Ngọc Đ tối 19/11/2020, khi đến hội trường thôn T, thấy anh S, chị M đang bị trói đã có hành vi hủy hoại tài sản (đập vỡ chiếc điện thoại di động trị giá 2.000.000 đồng) của S. Từ những căn cứ trên có đủ căn cứ xác định: Hành vi của các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Sính L1, Hồ Mí H2, Hầu Mí S, Hồ Mí T, Hồ Chứ L2, Hồ Mí P đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Ly Mí L đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Trần Ngọc Đ đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, tội "Hủy hoại tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Súa H1 về việc không đồng ý về hình phạt của Tòa án nhân dân huyện Đ, đề nghị giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm chính, bị cáo phạm hai tội cùng một lúc nên phải có một mức án nghiêm khắc nhất đối với bị cáo trong vụ án này. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra, bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị hại cũng có lỗi. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo H1 là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với tội Cưỡng đoạt tài sản, quyết định mức hình phạt là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị cáo Hồ Súa H1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của Hồ Vả S không đồng ý mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm, cho rằng bị cáo không phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng: S cùng H1 và các bị cáo khác đã bắt, giữ anh S, chị M từ 20 giờ 30 phút ngày 19/11/2020

khi không có thẩm quyền; S còn chủ trì để yêu cầu anh S phải trả tiền cho H1, đe dọa nếu anh S không trả tiền sẽ cởi quần áo của S, M cho mọi người đến xem hoặc để cho chết đói. Vì vậy, bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội "Bắt giữ người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản là không có căn cứ. Bị cáo là người giúp sức đắc lực cho bị cáo H1 nên phải chịu trách nhiệm thứ 2, bị cáo phạm cùng một lúc hai tội nên phải có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo S là đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đối với tội "Bắt giữ người trái pháp luật", áp dụng Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với tội "Cưỡng đoạt tài sản", quyết định mức hình phạt đối với bị cáo S là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Mua Mí P: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo P là đúng quy định của pháp luật. Bị cáo cùng một lúc phạm hai tội nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54, 57 của Bộ luật hình sự, quyết định mức hình phạt đối với bị cáo P là phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chử L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H2, Ly Mí L, Trần Ngọc Đ: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo C, K, T, L1, P, L2, S; riêng bị cáo L áp dụng Điều 57 của Bộ luật hình sự; bị cáo Hồ Mí H2 chưa đủ 18 tuổi áp dụng thêm Điều 90, 91 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để xử phạt các bị cáo là đã phù hợp với hành vi của các bị cáo, do vậy, không có căn cứ chấp nhận giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

[7] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chử L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H2, Ly Mí L, Trần Ngọc Đ: Các bị cáo đều là người giúp sức cho H1, là đồng phạm với vai trò không đáng kể; bị cáo Trần Ngọc Đ có hành vi độc lập hủy hoại tài sản của người bị hại nhưng giá trị tài sản không lớn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong, bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo phạm tội do thiếu hiểu biết pháp luật, người bị hại cũng có lỗi. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù giam là quá nặng đối với các bị cáo. Xét thấy các bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với các bị cáo, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an

ninh, trật tự, an toàn xã hội nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm về việc giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P; cho các bị cáo còn lại được hưởng án treo đồng thuận với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm cho các bị cáo.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự đối với Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự đối với Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H2, Ly Mí L, Trần Ngọc Đ: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H, Ly Mí L, Trần Ngọc Đ, giữ nguyên hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2022/HS-ST ngày 24/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P phạm các tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cưỡng đoạt tài sản"; các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Sính L1, Hồ Mí H2, Hầu Mí S, Hồ Mí T, Hồ Chứ L2, Hồ Mí P phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"; bị cáo Ly Mí L phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"; bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội "Hủy hoại tài sản".

2. Hình phạt:

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Súa H1 30 (ba mươi) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Súa H1 15 (mười lăm) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt đối với

cả hai tội là **45** (bốn mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 19/4/2021).

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn S 20 (hai mươi) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Văn S 12 (mười hai) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt đối với cả hai tội là **32** (ba mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 19/4/2021).

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mua Mí P 18 (mười tám) tháng tù. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 57; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Mua Mí P 06 (sáu) tháng tù. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt đối với cả hai tội là **24** (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P mỗi bị cáo **18** (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo Hồ Sính L2, Hầu Mí S mỗi bị cáo **12** (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 157; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 90; Điều 91, khoản 1, 2 Điều 65 và Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hồ Mí H2 **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ly Mí L **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Mí T, Hồ Chứ L1, Hồ Mí P, Hồ Sính L2, Hầu Mí S, Hồ Mí H2, Ly Mí L cho Ủy ban nhân xã S, huyện Đ, tỉnh Hà Giang nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình

các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ **05** (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Ngọc Đ cho Ủy ban nhân xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự phúc thẩm cho các bị cáo Hồ Súa H1, Hồ Vả S, Mua Mí P, Hồ Chúng C, Ly Mí K, Hồ Sính L1, Hồ Mí H2, Hầu Mí S, Hồ Mí T, Hồ Chứ L2, Hồ Mí P, Ly Mí L, Trần Ngọc Đ.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PV06, PC01;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- TAND huyện Đồng Văn;
- VKSND huyện Đồng Văn;
- Chi cục THADS huyện Đồng Văn;
- Công an huyện Đồng Văn;
- Sở Tư pháp;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Quy